

决定
颁行“疫苗护照”表格和核发流程
医疗部部长

根据 2007 年传染病防控法;

根据政府于 2017.06.20 颁布规定关于医疗部的职能、任务权限及组织结构的第 75/2017/NĐ-CP 号议定;

根据信息技术局局长的提议,

决定:

- 1、随附本决定颁行“疫苗护照”的表格和核发流程。
- 2、随附本决定的“疫苗护照”的表格和核发流程在全国接种机关上统一适用。
- 3、本决定自签署、颁行之日起生效。
- 4、交信息技术局局长、预防医疗局局长、部级办公厅主任、部级稽查主任、司长、局长、医疗部下属各司、局、总局的总局长; 医疗部直属单位的首长; 中央直辖市、市医疗厅经理; 相关行业和单位的医疗首长负责实施本决定。

收件:

- 如第 4 条;
- 武德儋副总理 (以汇报);
- 阮青龙部长 (以汇报);
- 外交部、公安部、通信及新闻部 (以配合);
- 各医疗部次长;
- 存档: 文书、信息技术。

代部长签
次长
(已签名盖章)

陈文舜

“疫苗护照”的表格及核发流程

(随附医疗部 2021.12.20 第 5772/QĐ-BYT 号决定)

1. “疫苗护照”表格

1.1. 信息字段显示:

1. 姓名;
2. 出生日期;
3. 国籍;

4. 认证针对的疫病；
5. 接种剂量；
6. 接种日期；
7. 剂量编号；
8. 疫苗种类；
9. 疫苗产品；
10. 疫苗供应商或生产商；
11. 证书的编号。

上述信息将进行数字签名、加密并打包成 2D 二维码。具体要求将在第 4 项中描述。

1.2. 上述信息包括姓名、出生日期及身份证、公民身份证或护照等确定所有者身份的证书。

1.3. 证书针对的疫病、疫苗、疫苗种类和疫苗供应商或生产商的信息将与世界卫生组织电子信息网站上更新的 **“COVID-19 vaccine tracker and landscape”** 文件和欧盟（EU）颁行的 **“Value Sets for EU Digital COVID Certificates”** 对应显示。

1.4. 接种日期和接种剂量用于确定接种信息。

1.5. 二维码自创建之日起 12 个月后失效。





图 1：移动设备上在越南接种新冠疫苗电子证书的插图

2. “疫苗护照”核发流程

2.1. 流程图



2.2. 流程描述

- **步骤一**：疫苗接种机构根据医疗部于 2021.10.21 颁布指引关于新冠疫苗接种和信息的确认流程之第 8938/BYT-DP 号公文及医疗部于 2021.11.05 颁布指引关于在新冠疫苗接种管理平台上确认民众信息的流程之第 9438/BYT-CNTT 号公文审查、确认、确实接种新冠疫苗的民众的信息。

- **步骤二**：疫苗接种机构在新冠疫苗接种管理平台上对新冠接种数据进行数字签名。新冠疫苗接种管理平台依医疗部颁布关于医疗数据链接的规定与核发新冠疫苗接种证书管理系统链接、共享疫苗接种数据。

新冠疫苗接种管理平台上的新冠疫苗接种数据需满足第 3 项和第 4 项的规定。

- **步骤三**：医疗部预防医疗局对新冠疫苗接种证书进行数字签名。该证书使用第 5 项规定的欧盟标准二维码格式。

国家疫病预防应用程序和其他实用应用（若经个人用户的同意）依医疗部颁行的医疗数据共享指引进行接收和保存二维码格式的新冠疫苗接种证书。

3. 新冠疫苗接种数据标准化

序号	信息	例如
个人信息		
1	姓名	阮文 A
2	出生日期	1999.10.20
3	电话号码	0912345678
4	身份证/公民身份证号码	001123456789
5	护照号码	若有
6	国籍	越南
第一剂量		
7	疫苗*	EU/1/20/1528
8	疫苗种类	1119305005
9	供应商/生产商*	ORG-100030215
10	接种剂量	1
11	接种日期	2021.06.20
12	接种单位	
13	管理机构	
第二剂量		
14	疫苗*	EU/1/20/1528

15	疫苗種類	1119305005
16	供應商/生產商*	ORG-100030215
17	接種劑量	2
18	接種日期	2021.07.20
19	接種單位	
20	管理機構	
21	接種總劑量	2
接種机构的数字签名		

* 供應商或生產商根據第 4 項國際編碼清單填寫疫苗、疫苗種類。

4. 國籍編碼清單

4.1. 疫病

代碼	疫病名稱
840539006	COVID-19

4.2. 疫苗種類

代碼	疫苗種類
1119305005	antigen SARS-CoV-2 疫苗
1119349007	mRNA SARS-CoV-2 疫苗
J07BX03	其他新冠疫苗

4.3. 疫苗產品

代碼	疫苗/疫苗產品名稱
EU/1/20/1528	Comirnaty/ Pfizer
EU/1/20/1507	Spikevax (previously COVID-19 Vaccine Moderna)/Moderna
EU/1/21/1529	Vaxzevria/ Astrazeneca
EU/1/20/1525	COVID-19 Vaccine Janssen/ Janssen
Hayat-Vax	Hayat-Vax/ Hayat-Vax
BBIBP-CorV	BBIBP-CorV/ Vero-Cell
Sputnik-V	Sputnik-V/ Sputnik
Abdala	Abdala/ Abdala

4.4. 生產商/商標名稱

代碼	生產商/商標
ORG-100030215	BioNTech Manufacturing GmbH

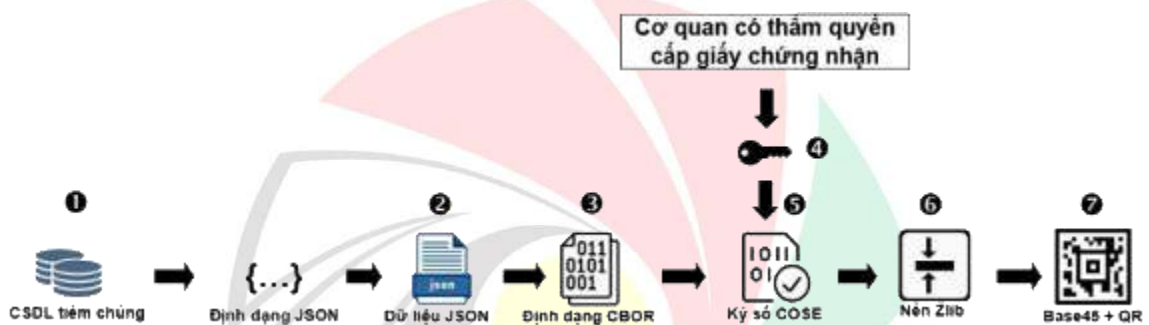


23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
 熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

ORG-100031184	Rovi Pharma Industrial Services, S.A, Spain Recipharm Monts, France
ORG-100001699	AstraZeneca, AB
ORG-100001417	Janssen-Cilag International NV
ORG-100023050	Gulf Pharmaceutical Industries
ORG-100020693	Beijing Institute of Biological Products Co., Ltd
CIGB	Cuba CIGB (Center for Genetic Engineering and Biotechnology)

5. 创建二维码技术流程

5.1. 创建二维码的流程



5.2. 创建二维码流程中的技术要求

序号	内容	技术要求
1	格式化第二部分中的数据	Json 格式（依 RFC7159）
2	将 JSON 数据转换为 CBOR	使用算法将 JSON 格式转换为 CBOR 格式（依 RFC 8392）
3	数字签名	使用 2048 位 RSA 数字签名算法（依 RFC 8230）和 SHA-256 散列算法（依 ISO/IEC 10118-3:2004）
4	CBOR 数据的加密和压缩	使用 COSE 协定（依 RFC 8152）
5	压缩已经 COSE 的数据	使用 Zlib 算法（依 RFC1950）
6	更改数据结构	使用 BASE45 算法
7	创建 2D 图像	使用 ASCII 算法（依 ICAO 文件 9303 第 3 部分）并形成二维码（依 ISO/IEC 18004:2015）

~ 恒利翻译，仅供参考 ~

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5772/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH BIỂU MẪU VÀ QUY TRÌNH CẤP “HỘ CHIẾU VẮC XIN”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin”.

Điều 2. Biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin” ban hành theo Quyết định này được áp dụng thống nhất tại tất cả các cơ sở tiêm chủng trên cả nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng y tế các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- PTTg. Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các bộ: Ngoại giao, Công an, Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Thuấn

BIỂU MẪU VÀ QUY TRÌNH CẤP “HỘ CHIẾU VẮC XIN”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5772/QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế)

1. Biểu mẫu “Hộ chiếu vắc xin”

1.1. Các trường thông tin hiển thị:

1. Họ và tên;
2. Ngày tháng năm sinh;

3. Quốc tịch;
4. Bệnh dịch mà chứng nhận nhắm tới;
5. Số mũi tiêm đã nhận;
6. Ngày tiêm;
7. Liều số;
8. Vắc xin;
9. Sản phẩm vắc xin;
10. Nhà cung cấp hoặc sản xuất vắc xin;
11. Mã số của chứng nhận.

Các thông tin trên sẽ được ký số, mã hoá và được đóng gói dưới dạng mã QR định dạng 2D. Yêu cầu cụ thể sẽ được mô tả tại Mục 4.

1.2. Các thông tin trên bao gồm họ và tên và ngày sinh kết hợp với giấy tờ định danh khác như CMND, CCCD hay hộ chiếu để giúp định danh người sở hữu.

1.3. Các thông tin về bệnh dịch mà chứng nhận nhắm tới, vắc xin, loại vắc xin và nhà cung cấp hoặc sản xuất sẽ được hiển thị tương ứng với tài liệu **“COVID-19 vaccine tracker and landscape”** của WHO được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của WHO và **“Value Sets for EU Digital COVID Certificates”** do Liên minh Châu Âu (EU) ban hành.

1.4. Ngày tiêm và số mũi tiêm đã nhận để xác định thông tin tiêm chủng.

1.5. Mã QR hết hạn sau 12 tháng kể từ ngày khởi tạo.



Hình 1: Minh họa Chứng nhận điện tử đã tiêm vắc xin COVID-19 của Việt Nam trên thiết bị di động

2. Quy trình cấp “Hộ chiếu vắc xin”

2.1. Sơ đồ quy trình



2.2. Mô tả quy trình

- **Bước 1:** Các cơ sở tiêm chủng rà soát, xác minh, xác thực thông tin người dân tiêm chủng vắc xin COVID-19 theo hướng dẫn tại Công văn số 8938/BYT-DP ngày 21/10/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quy trình xác minh thông tin và tiêm chủng vắc xin COVID-19 và Công văn số 9438/BYT-CNTT ngày 5/11/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn Quy trình xác thực thông tin người dân trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19.

- **Bước 2:** Các cơ sở tiêm chủng thực hiện ký số dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19 trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19. Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 kết nối, chia sẻ dữ liệu tiêm chủng với Hệ thống Quản lý cấp chứng nhận tiêm chủng vắc xin COVID-19 đáp ứng theo các quy định về kết nối dữ liệu y tế do Bộ Y tế ban hành.

Dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19 trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 cần đáp ứng quy định tại Mục 3 và Mục 4.

- **Bước 3:** Cục Y tế dự phòng - Bộ Y tế thực hiện ký số giấy xác nhận tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 tập trung. Chứng nhận được cấp sử dụng định dạng mã QR theo tiêu chuẩn của EU quy định tại Mục 5.

Các ứng dụng phòng chống dịch quốc gia và các ứng dụng tiện ích khác (nếu được sự đồng ý của cá nhân người sử dụng) tiếp nhận và lưu giữ xác nhận tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 dạng mã QR theo hướng dẫn trao đổi dữ liệu y tế do Bộ Y tế ban hành.

3. Chuẩn hóa dữ liệu tiêm chủng vắc xin COVID-19

TT	Thông tin	Ví dụ
Thông tin cá nhân		
1	Họ và tên	Nguyễn Văn A
2	Ngày sinh	20/10/1999
3	Số điện thoại	0912345678
4	Số Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân	001123456789
5	Số hộ chiếu	Nếu có
6	Quốc tịch	Việt Nam
Mũi tiêm số 1		
7	Vắc xin*	EU/1/20/1528
8	Loại vắc xin*	1119305005

9	Nhà cung cấp/sản xuất*	ORG-100030215
10	Mũi tiêm số	1
11	Ngày tiêm	20/6/2021
12	Tên đơn vị tiêm chủng	
13	Tên cơ sở quản lý	
Mũi tiêm số 2		
14	Vắc xin*	EU/1/20/1528
15	Loại vắc xin*	1119305005
16	Nhà cung cấp/sản xuất*	ORG-100030215
17	Mũi tiêm số	2
18	Ngày tiêm	20/7/2021
19	Tên đơn vị tiêm chủng	
20	Tên cơ sở quản lý	
21	Tổng số liều đã tiêm	2
Chữ ký số của cơ sở tiêm chủng		

*Vắc xin, loại vắc xin và nhà cung cấp hoặc sản xuất điền theo thông tin tại Mục 4. Danh mục các bảng mã quốc tế

4. Danh mục các bảng mã quốc tế

4.1. Bệnh dịch

Code	Tên bệnh dịch
840539006	COVID-19

4.2. Loại Vắc xin

Code	Tên loại vắc xin
1119305005	Vắc xin antigen SARS-CoV-2
1119349007	Vắc xin mRNA SARS-CoV-2
J07BX03	Vắc xin Covid-19 khác

4.3. Sản phẩm Vắc xin

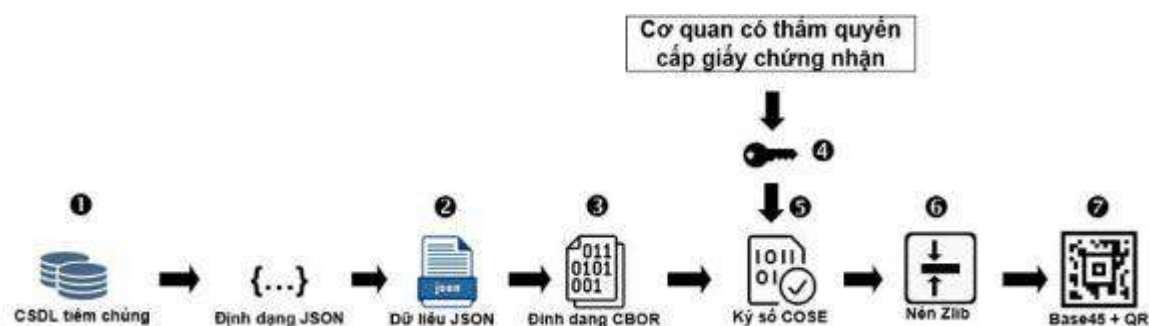
Code	Tên sản phẩm vắc xin/ tên vắc xin
EU/1/20/1528	Comirnaty/ Pfizer
EU/1/20/1507	Spikevax (previously COVID-19 Vaccine Moderna)/Moderna
EU/1/21/1529	Vaxzevria/ Astrazeneca
EU/1/20/1525	COVID-19 Vaccine Janssen/ Janssen
Hayat-Vax	Hayat-Vax/ Hayat-Vax
BBIBP-CorV	BBIBP-CorV/ Vero-Cell
Sputnik-V	Sputnik-V/ Sputnik
Abdala	Abdala/ Abdala

4.4. Tên nhà sản xuất/thương hiệu

Code	Tên nhà sản xuất/thương hiệu
ORG-100030215	BioNTech Manufacturing GmbH
ORG-100031184	Rovi Pharma Industrial Services, S.A, Spain Recipharm Monts, France
ORG-100001699	AstraZeneca, AB
ORG-100001417	Janssen-Cilag International NV
ORG-100023050	Gulf Pharmaceutical Industries
ORG-100020693	Beijing Institute of Biological Products Co., Ltd
CIGB	Cuba CIGB (Center for Genetic Engineering and Biotechnology)

5. Quy trình kỹ thuật tạo mã QR

5.1. Quy trình khởi tạo mã QR



Hình 2: Quy trình khởi tạo mã QR

5.2. Yêu cầu kỹ thuật với các bước trong quy trình khởi tạo mã QR

STT	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1	Định dạng dữ liệu tại phần II	Định dạng Json (theo RFC 7159)
2	Chuyển dữ liệu JSON thành CBOR	Sử dụng thuật toán chuyển đổi định dạng JSON thành định dạng CBOR (theo RFC 8392)
3	Ký số	Sử dụng thuật toán ký số RSA (theo RFC 8230) 2048 bits cùng thuật toán băm SHA-256 (theo ISO/IEC 10118- 3:2004)
4	Mã hoá và nén dữ liệu CBOR	Sử dụng giao thức COSE (theo RFC 8152)
5	Nén dữ liệu đã được COSE	Sử dụng thuật toán Zlib (theo RFC1950)
6	Thay đổi cấu trúc dữ liệu	Sử dụng thuật toán BASE45
7	Tạo hình ảnh 2D	Sử dụng thuật toán ASCII (theo phần 3 tài liệu ICAO 9303) và hình thành mã vạch QR (theo ISO/IEC 18004:2015)